

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND Thành phố)

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp
A	Đến năm 2030					
I	Chính quyền số					
I.1	Giai đoạn 2026-2027					
1	Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh					
1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	%	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Sở, ban, ngành	UBND cấp xã
2	Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.	%	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Sở, ban, ngành	UBND cấp xã
3	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	%	95%	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đơn vị liên quan
2	Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu					

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp
1	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp Thành phố, cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.	%	100%	Văn phòng UBND Thành phố	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đơn vị liên quan
2	Tỷ lệ chế độ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo.	%	100%	Văn phòng UBND Thành phố	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đơn vị liên quan
3	Tỷ lệ nhiệm vụ Thành phố giao cho các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã được theo dõi, giám sát, đánh giá trên môi trường điện tử	%	100%	Văn phòng UBND Thành phố	Văn phòng UBND Thành phố	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã
4	Tỷ lệ các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã đạt cấp độ 3 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.	%	100%	Công an Thành phố	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đơn vị liên quan
5	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản.	%	100%	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.	%	50%	Công an Thành phố	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đơn vị liên quan

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp
I.2	Giai đoạn 2028-2030					
1	Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh					
1	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	%	99%	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đơn vị liên quan
2	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “ cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời.	%	50%	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đơn vị liên quan
3	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn.	%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đơn vị liên quan
4	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	%	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đơn vị liên quan
5	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công.	%	80%	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đơn vị liên quan
2	Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu					

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp
1	Tỷ lệ các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã đạt cấp độ 4 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.	%	100%	Công an Thành phố	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đơn vị liên quan
2	Tỷ lệ các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.	%	90%	Công an Thành phố	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đơn vị liên quan
3	Tỷ lệ hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.	%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành	Đơn vị liên quan
4	Tỷ lệ các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.	%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đơn vị liên quan
5	Tỷ lệ đội ngũ lãnh đạo của từng Sở, ban, ngành, UBND cấp xã có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học, kỹ thuật, chuyển đổi số phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.	%	25%	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đơn vị liên quan
6	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.	%	100%	Công an Thành phố	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đơn vị liên quan

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp
7	Tỷ lệ các hệ thống thông tin được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ.	%	100%	Công an Thành phố	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đơn vị liên quan
8	Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI)	Thứ bậc	Thuộc nhóm 05 tỉnh/thành phố dẫn đầu cả nước.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã
II	Kinh tế số					
1	Tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu	%	≥ 50	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Thống kê Thành phố
2	Số doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến	Doanh nghiệp	≥ 5	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Thống kê Thành phố
3	Tỷ lệ Make in Vietnam trong tổng doanh thu công nghiệp số của Thành phố.	%	50	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Thuế Thành phố, Thống kê Thành phố
4	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	%	100	Sở Công Thương	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp
5	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	%	≥ 70	Sở Tài chính	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) chuyển đổi số ở mức toàn diện (quản lý, bán hàng, thanh toán, kết nối chuỗi...)	%	70	Sở Tài chính	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Tăng năng suất lao động hàng năm	%	≥ 8	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Thống kê Thành phố
8	Quy mô kinh tế số.	% GRDP	≥ 40	Thống kê Thành phố	Thống kê Thành phố	Đơn vị liên quan
9	Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	%	≥ 55	Viện nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội	Viện nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội	Đơn vị liên quan
10	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	%	≥ 20	Sở Công thương	Sở Công thương	Đơn vị liên quan
III	Xã hội số					
1	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.	%	≥ 70	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND cấp xã	Đơn vị liên quan
2	Xếp hạng về an toàn thông tin mạng của Thành phố.	Thứ bậc	Đứng đầu cả nước	Công an Thành phố	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đơn vị liên quan
3	Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử.	%	≥ 95	Sở Y tế	UBND cấp xã	Đơn vị liên quan

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp
4	Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt	%	≥ 80	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 1	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đơn vị liên quan
5	Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông	%	≥ 95	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND cấp xã	Đơn vị liên quan
B	Đến năm 2035					
1	Phổ cập hạ tầng kết nối 6G và Internet vạn vật (IoT) trên phạm vi toàn quốc		Phổ cập	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đơn vị liên quan
2	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đơn vị liên quan
3	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông, ...	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đơn vị liên quan

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của UBND Thành phố)

Stt		Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
TT	Chi tiết					
	I	Hoàn thiện thể chế				
1	1	Phối hợp góp ý với các Bộ, ngành Trung ương trong quá trình xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý về chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, an ninh dữ liệu và các văn bản hướng dẫn thi hành	Các Sở, ban, ngành theo chức năng nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	Văn bản góp ý	Theo yêu cầu của Bộ, ngành Trung ương
2	2	Xây dựng, cập nhật Khung kiến trúc số Thành phố phù hợp với yêu cầu phát triển Chính quyền số và Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	Khung kiến trúc số được cập nhật phù hợp yêu cầu	Năm 2026 - 2030
3	3	Xây dựng Chiến lược dữ liệu bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	Chiến lược dữ liệu được xây dựng phù hợp yêu cầu	Năm 2026-2030
4	4	Xây dựng, cập nhật danh mục các nền tảng số dùng chung của Thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	Danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành	Năm 2026-2030

Stt		Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
TT	Chi tiết					
5	5	Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án vị trí việc làm (theo quy định của Trung ương) trong đó bổ sung yêu cầu kỹ năng số phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và công cụ làm việc của các vị trí việc làm, trên cơ sở tham chiếu Khung năng lực số quốc gia và các quy định hiện hành.	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Tiêu chuẩn, mô tả vị trí việc làm được ban hành	Năm 2026-2030
6	6	Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước chuyên ngành để báo cáo, đề xuất Thành phố sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới sáng tạo, về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số quốc gia và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số, Internet và không gian mạng.	Các Sở, ban, ngành theo chức năng nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách		Đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật	Năm 2026-2030
	II	Phát triển dữ liệu số				
7	1	Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Dữ liệu các lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai được tạo lập, số hóa	Năm 2026-2030

Stt		Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
TT	Chi tiết					
8	2	Thực hiện số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
9	3	Hoàn thành xây dựng, nâng cấp, phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.	Các Sở, ban, ngành	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
10	4	Xây dựng, ban hành kế hoạch công bố dữ liệu mở của Thành phố, bao gồm danh mục dữ liệu mở ưu tiên, lộ trình công bố, phương thức truy cập, trách nhiệm cập nhật và tiêu chí đánh giá mức độ sử dụng, tái sử dụng dữ liệu mở. Việc cung cấp dữ liệu mở được thực hiện theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật hiện hành.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành	Kế hoạch	Tháng 6/2026
11	5	Thực hiện chuẩn hóa, mở, chia sẻ và đưa dữ liệu đủ điều kiện lên Sàn dữ liệu, thúc đẩy hình thành và phát triển thị trường dữ liệu, gắn với cơ chế minh bạch về quyền sở hữu, quyền khai thác, thương mại hóa dữ liệu và phân phối giá trị từ dữ liệu theo hướng dẫn của Bộ ngành Trung ương.	Các Sở, ban, ngành	Công an Thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	Báo cáo thực hiện	Tháng 12/2026

Stt		Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
TT	Chi tiết					
	III	Phát triển các ứng dụng, nền tảng số				
12	1	Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030
13	2	Phát triển, hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Thành phố để đáp ứng yêu cầu tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trong giai đoạn mới.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030
14	3	Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Thành phố	Văn phòng UBND Thành phố	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030
15	4	Xây dựng Nền tảng AI của Thành phố theo hướng tích hợp, sử dụng chung và mở rộng năng lực của Nền tảng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo dùng chung (Nền tảng AI) và Nền tảng Trợ lý ảo quốc gia, bảo đảm kế thừa, dùng chung tài nguyên và tránh trùng lặp hạ tầng.	Văn phòng UBND Thành phố	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030
16	5	Phát triển, hoàn thiện Kho dữ liệu dùng chung của Thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030

Stt		Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
TT	Chi tiết					
17	6	Xây dựng, triển khai các ứng dụng, nền tảng số phục vụ công tác quản lý nhà nước, giải quyết điểm nghẽn thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Xây dựng	Sở Xây dựng	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	Các ứng dụng được triển khai	Năm 2026-2030
18	7	Xây dựng Hệ thống quản lý và khai thác dữ liệu số Sở Công Thương Hà Nội bảo đảm kết nối, chia sẻ với các nền tảng dữ liệu dùng chung của Thành phố	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan	Phần mềm	Năm 2026-2030
	IV	Phát triển hạ tầng số				
19	1	Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2030.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Kế hoạch được ban hành và triển khai	Năm 2026-2030
20	2	Phát triển hạ tầng mạng đáp ứng nhu cầu triển khai chuyển đổi số theo hướng ưu tiên thuê dịch vụ, kết nối và sử dụng hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
	V	Bảo đảm an ninh mạng				
21	1	Phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ đối với toàn bộ hệ thống thông tin phục vụ chuyển đổi số trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; đồng thời triển khai đầy đủ các biện pháp đảm bảo an ninh mạng theo đúng hồ sơ cấp độ đã được phê duyệt; kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ.	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Công an Thành phố	Quyết định phê duyệt; Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030

Stt		Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
TT	Chi tiết					
	VI	Phát triển nhân lực số				
22	1	Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; triển khai thực chất, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” và hoạt động của các Tổ Chuyển đổi số cộng đồng.	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Công an Thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
23	2	Phối hợp triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ kỹ thuật chuyên biệt và thường xuyên cho đội ngũ cán bộ cấp xã, phường theo hướng dẫn của các Bộ, ngành.	Các Sở, ban, ngành	UBND cấp xã	Tập huấn, bồi dưỡng	Năm 2026-2030
24	3	Xây dựng chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số, Khung kiến trúc số Thành phố cho Lãnh đạo, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Chương trình đào tạo, tập huấn	Năm 2026-2030
25	4	Xây dựng chương trình, tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, AI cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an Thành phố, Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
26	5	Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng hằng năm về kỹ năng số, phương pháp sư phạm và ứng dụng AI trong giảng dạy cho đội ngũ giáo viên các cấp.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an Thành phố, đơn vị liên quan	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030

Stt		Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
TT	Chi tiết					
27	6	Triển khai khung chương trình đào tạo về quản trị dữ liệu cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số.	Công an Thành phố	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Báo cáo thực hiện	Sau khi Khung chương trình đào tạo được ban hành
	VII	Hợp tác trong nước và quốc tế				
28	1	Chủ động hợp tác quốc tế trong việc tham gia quản lý các tài nguyên chung trong môi trường số và trên không gian mạng; tham gia các tổ chức quốc tế và chủ trì, dẫn dắt triển khai một số sáng kiến về chuyển đổi số.	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
	VIII	Bảo đảm kinh phí				
29	1	Kinh phí cho chuyển đổi số được lấy từ kinh phí bố trí cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hằng năm. Năm 2026, bố trí tối thiểu 04% ngân sách cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Tiếp tục nâng lên mức tối thiểu 02% GRDP trong 05 năm tiếp theo.	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
	IX	Đo lường, giám sát, đánh giá triển khai				
30	1	Cập nhật Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số các cơ quan nhà nước Thành phố và triển khai đánh giá hằng năm.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030

Stt		Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
TT	Chi tiết					
	X	Phát triển Kinh tế số				
31	1	Thúc đẩy các ngành kinh tế số mới: Ưu tiên phát triển các mô hình kinh tế số dựa trên công nghệ tiên tiến. Kinh tế vật lý số (Phygital): Ứng dụng công nghệ định danh số (Digital ID) và chuỗi khối (Blockchain) để số hóa các tài sản thực như di sản văn hóa, nông sản OCOP, sản phẩm thủ công mỹ nghệ. Việc tạo ra các "phiên bản số" (Digital Twins) của sản phẩm vật lý giúp gia tăng giá trị, chống giả mạo và mở ra thị trường giao dịch toàn cầu cho văn hóa Việt Nam. Kinh tế bản sao số (Digital Twin Economy): Ứng dụng trong quy hoạch, bất động sản, quản lý cảng biển và logistics thông minh. Công nghệ tài chính (Fintech) thế hệ mới: Sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data) để đánh giá rủi ro tín dụng dựa trên dữ liệu phi truyền thống, giúp mở rộng khả năng tiếp cận vốn cho người dân và doanh nghiệp nhỏ.	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Phát triển các mô hình kinh tế số	Năm 2026-2030
32	2	Đẩy mạnh triển khai các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển kinh tế số.	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
	XI	Phát triển Xã hội số				
33	1	Phổ cập công dân số, hình thành, phát triển ứng dụng công dân số của địa phương, tích hợp đa tiện ích, kết nối với VNeID	Công an Thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030

Stt		Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
TT	Chi tiết					
34	2	Triển khai sáng kiến về Làng số nhằm thúc đẩy thương mại điện tử nông sản, phát triển nông nghiệp thông minh, khám chữa bệnh từ xa,...	UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị liên quan	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
35	3	Đẩy mạnh các hoạt động của Mạng lưới chuyển đổi số tại cơ sở, đặc biệt là các Tổ Công nghệ số cộng đồng; phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng theo hướng xã hội hoá.	UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị liên quan	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
	XII	Truyền thông về chuyển đổi số				
36	1	Tuyên truyền chuyển đổi nhận thức của xã hội về chuyển đổi số thông qua các kênh truyền thông, chuyên trang, chuyên mục trên các chương trình truyền thanh, truyền hình.	Sở Văn hóa và Thể thao	Đài PTTH Hà Nội, các cơ quan báo chí	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
	XIII	Một số lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số				
	1	Y tế				
37		Đề án chuyển đổi số tổng thể, toàn diện ngành y tế giai đoạn 2026-2030	Sở Y tế	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các đơn vị liên quan	Đề án được phê duyệt	Trước tháng 12/2026
	2	Giáo dục và đào tạo				
38		Chuyển đổi số toàn diện, phát triển các hệ thống thông tin, CSDL, nền tảng giáo dục, ứng dụng trí tuệ nhân tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan	Hệ thống thông tin, CSDL, nền tảng được đưa vào sử dụng	Năm 2026-2030

Stt		Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
TT	Chi tiết					
	3	Giao thông vận tải và logistics				
39		Tiếp tục thực hiện Đề án Giao thông thông minh đã được UBND Thành phố ban hành tại Quyết định số 6369/QĐ-UBND phê duyệt Đề án Giao thông thông minh trên địa bàn Thành phố Hà Nội	Sở Xây dựng	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	Sản phẩm theo nội dung của Đề án đã phê duyệt	Năm 2026-2030
40	4	Ưu tiên chuyển đổi số trong khu vực doanh nghiệp, nhất là các ngành kinh tế, công nghiệp trọng điểm như: Công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm, công nghiệp dệt may, da giày, túi xách, công nghiệp hóa chất, ... thương mại điện tử...	Sở Công thương	Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan		Năm 2026-2030
	XIV	Các bài toán lớn ưu tiên chuyển đổi số: Giải quyết 5 điểm nghẽn của Thành phố				
	1	Ùn tắc giao thông				
41		Triển khai Đề án giao thông thông minh thành phố Hà Nội	Công an Thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	
	2	Ngập úng, lụt				
42		Hệ thống hỗ trợ kiểm soát ngập úng thành phố Hà Nội	Sở Xây dựng	Ban QLDA ĐTXD công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị liên quan	- Triển khai Hệ thống hỗ trợ kiểm soát ngập úng thành phố Hà Nội. - Kết nối LGSP và hệ thống IOC	2026

Stt		Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
TT	Chi tiết					
	3	Trật tự đô thị				
43		Triển khai ứng dụng giải pháp công nghệ để tìm kiếm và thanh toán giá dịch vụ trông giữ xe không sử dụng tiền mặt trên địa bàn Thành phố	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng công nghệ quản lý đỗ xe thông minh, tự động hóa toàn trình - Tích hợp hệ thống quản lý đỗ xe trên nền tảng chung hệ thống giao thông thông minh để hỗ trợ tổ chức đỗ xe linh hoạt, tránh ảnh hưởng đến lưu thông đồng thời tối ưu khai thác hạ tầng giao thông - Kết nối IOC của Thành phố 	2026
	4	Ô nhiễm môi trường				
44		Giám sát môi trường đô thị bằng camera AI, cảm biến chất lượng không khí và dữ liệu phản ánh của người dân,... tích hợp tại IOC	Công an Thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị liên quan	Môi trường đô thị được giám sát	Năm 2026-2030

Stt		Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
TT	Chi tiết					
	5	An toàn thực phẩm				
45		Xây dựng và triển khai Đề án xây dựng hệ thống quản lý ATTP và truy xuất nguồn gốc thực phẩm	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Y tế, các đơn vị liên quan	Đề án được ban hành và triển khai	Theo Đề án được phê duyệt